

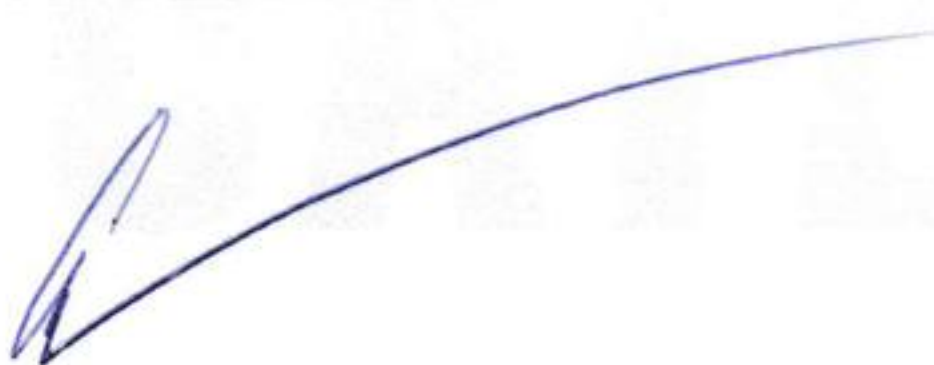
Q326B090463
(TPTN26016236.01.3)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

11/08/2026
Trang/ Page: 1/4

- Tên mẫu
Name of sample : **DẦU Ô LIU NGUYÊN CHẤT KICKER - KICKER EXTRA VIRGIN OLIVE OIL**
- Mô tả mẫu
Description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
- Dụng cụ chứa: chai thủy tinh / Container: glass vial
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 23/07/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 23/07/2026 - 07/08/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : **CÔNG TY TNHH LCD FRUIT**
L5/1, khu phố 5A, khu dân cư Phú Gia 2, Phường Trảng Dài, Thành phố Đồng Nai, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / Refer to next page(s)

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB



Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC / PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB



Ngô Quốc Việt

Q326B090463
(TPTN26016236.01.3)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

11/08/2026

Trang/ Page: 2/4

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Phạm vi đo Range of measurement (≥)
7.1	Hàm lượng arsen tổng (As) Total arsenic content	mg/kg	TCVN 8427:2010 (HG-AAS)	KPH	0,01	-
7.2	Chỉ số axit (tính theo axit oleic) Acid value (as oleic acid)	%(m/m)	TCVN 6127:2010	0,45	-	-
7.3	Hàm lượng cholesterol Cholesterol content	g/100mL	AOAC (994.10) (GC-FID)	KPH	0,0005	-
7.4	Hàm lượng chì (Pb) Lead content	mg/kg	QUATEST3 1097:2023 (Ref: AOAC 999.11) (ICP-OES)	KPH	0,03	-
7.5	Hàm lượng sắt (Fe) Iron content	mg/kg	QUATEST3 1113:2023 (Ref: AOAC 999.11) (F-AAS)	< 0,90 (LOQ)	0,30	-
7.6	Hàm lượng tạp chất không tan Insoluble impurities content	%(m/m)	TCVN 6125:2020	KPH	-	0,02
7.7	Hàm lượng vitamin E (dl-alpha-tocopheryl acetate) Vitamin E content	g/100mL	QUATEST3 1135:2023 (Ref: EN 12822:2000) (HPLC-UV)	0,027	-	-
7.8	Hàm lượng xà phòng Soap content	%(m/m)	QUATEST3 1084:2023 (Ref: AOCS Cc 17-95)	KPH	-	5,0 x 10 ⁻⁵

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ: dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Q326B090463
(TPTN26016236.01.3)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

11/08/2026
Trang/ Page: 3/4

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Phạm vi đo Range of measurement (≥)
7.9	Hàm lượng đồng (Cu) Copper content	mg/kg	QUATEST3 1113:2023 (Ref: AOAC 999.11) (F-AAS)	KPH	0,09	-
7.10	Trị số axit Acid value	mgKOH/g	TCVN 6127:2010	0,89	-	-
7.11	Trị số peroxit Peroxide value	meqO ₂ /kg	TCVN 6121:2018	10,7	-	-
7.12	Độ ẩm và hàm lượng chất bay hơi Moisure and volatile matter content	%(m/m)	TCVN 6120:2018	0,090	-	-
7.13	Hàm lượng 3- Monochloropropan - 1,2 - diol (3-MCPD) 3-MCPD content	µg/kg	QUATEST3 1151:2023 (Ref: AOAC 2018.03) (GC/MS/MS)	20,0	-	-
7.14	Hàm lượng glycidyl esters (GE) Glycidyl esters (GE) content	µg/kg	QUATEST3 1151:2023 (Ref: AOAC 2018.03) (GC/MS/MS)	KPH	20	-
7.15	Hàm lượng benzo(a)pyrene Benzo(a)pyrene content	µg/kg	QUATEST3 1182:2023 (GC-MS/MS)	KPH	0,6	-

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc và kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Q326B090463
(TPTN26016236.01.3)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT



11/08/2026

Trang/ Page: 4/4

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Phạm vi đo Range of measurement (≥)
7.16	Hàm lượng polycyclic aromatic hydrocarbons (Sum of benzo(a) pyrene, benzo(a)anthracene, chrysene and benzo(b) fluoranthene) <i>Polycyclic aromatic hydrocarbons content</i>	µg/kg	QUATEST3 1182:2023 (GC-MS/MS)	KPH	0,6	-
7.17	Hàm lượng erucic acid (C22:1) <i>Erucic acid content</i>	% tổng axit béo	AOAC (996.06)	KPH	-	0,009
7.18	Hàm lượng béo không bão hoà đa <i>Poly unsaturated fat content</i>	g/100mL	AOAC (996.06)	8,41	-	-
7.19	Hàm lượng béo không bão hoà đơn <i>Mono unsaturated fat content</i>	g/100mL	AOAC (996.06)	63,8	-	-
7.20	Hàm lượng béo trans <i>Trans fatty acid content</i>	g/100mL	AOAC (996.06)	KPH	-	0,009
7.21	Hàm lượng béo trans <i>Trans fatty acid content</i>	g/100g	AOAC (996.06)	KPH	-	0,009
7.22	Hàm lượng 3-Monochloropropan - 1,2 - diol (3-MCPD) esters <i>3-MCPD esters content</i>	µg/kg	QUATEST3 1151:2023 (Ref: AOAC 2018.03) (GC/MS/MS)	< 60,0 (LOQ)	20,0	-

Ghi chú / Note:

- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử / *Limit of quantification of method*
- KPH: Không phát hiện / *Not detected*

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc và kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Q326B090463
(TPTN26016236.01.4)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

11/08/2026
Trang/ Page: 1/2

- Tên mẫu
Name of sample : **DẦU Ô LIU NGUYÊN CHẤT KICKER - KICKER EXTRA VIRGIN OLIVE OIL**
- Mô tả mẫu
Description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
- Dụng cụ chứa: chai thủy tinh / *Container: glass vial*
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 23/07/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 23/07/2026 - 07/08/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : **CÔNG TY TNHH LCD FRUIT**
L5/1, khu phố 5A, khu dân cư Phú Gia 2, Phường Trảng Dài, Thành phố Đồng Nai, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / *Refer to next page(s)*

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB



Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC / PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB



Ngô Quốc Việt



Q326B090463
 (TPTN26016236.01.4)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

11/08/2026

Trang/ Page: 2/2

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Phạm vi đo Range of measurement (≥)
7.1	Hàm lượng thuốc bảo vệ thực vật Pesticide content	-	-	-	-	-
7.1.1	Carbaryl Carbaryl	mg/kg	EN 15662:2018	KPH	0,01	-
7.1.2	Cypermethrins (bao gồm alpha- và zeta – cypermethrin) Cypermethrin	mg/kg	EN 15662:2018	KPH	0,05	-
7.1.3	Fenthion Fenthion	mg/kg	EN 15662:2018	KPH	0,01	-
7.1.4	Kresoxim-methyl Kresoxim-methyl	mg/kg	EN 15662:2018	KPH	0,0025	-
7.1.5	Trifloxystrobin Trifloxystrobin	mg/kg	EN 15662:2018	KPH	0,01	-

Ghi chú / Note:

- KPH: Không phát hiện / Not detected

Q326B090463
(TPTN26016236.01.1)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

11/08/2026
Trang/ Page: 1/2

- Tên mẫu
Name of sample : **DẦU Ô LIU NGUYÊN CHẤT KICKER - KICKER EXTRA VIRGIN OLIVE OIL**
- Mô tả mẫu
Description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
- Dụng cụ chứa: chai thủy tinh / *Container: glass vial*
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 23/07/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 23/07/2026 - 07/08/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : **CÔNG TY TNHH LCD FRUIT**
L5/1, khu phố 5A, khu dân cư Phú Gia 2, Phường Trảng Dài, Thành phố Đồng Nai, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / *Refer to next page(s)*

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB



Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC / PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB



Ngô Quốc Việt



Q326B090463
(TPTN26016236.01.1)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

11/08/2026

Trang/ Page: 2/2

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Phạm vi đo Range of measurement (≥)
7.1	Hàm lượng béo bão hoà Saturated fat content	g/100mL	AOAC (996.06)	14,2	-	-
7.2	Năng lượng (*) Calories	kcal/100mL	QTTN/KT3 024:2018	818	-	-
7.3	Hàm lượng protein Protein content	g/100mL	QUATEST3 1057:2023 (Kjeldahl method)	KPH	-	0,10
7.4	Hàm lượng carbohydrat không bao gồm chất xơ Carbohydrate excluding fibre content	g/100mL	AOAC 2020.07	KPH	-	0,20
7.5	Hàm lượng đường tổng số Total sugars content	g/100mL	QUATEST3 1222:2024 (Ref: AOAC 2018.16)	KPH	-	0,05
7.6	Hàm lượng chất béo Fat content	g/100mL	QUATEST3 1056:2023 (Có thủy phân)	90,9	-	-
7.7	Hàm lượng natri (Na) Sodium content	mg/100mL	QUATEST3 1111:2023 (Ref: AOAC 969.23)	KPH	1,30	-

Ghi chú / Note:

- KPH: Không phát hiện / Not detected
- Hàm lượng đường tổng số: (fructose + glucose + sacaroza + maltose + lactose + xylose + galactose) / Total sugar content.
- AOAC: Association of Official Analytical Chemists / Association of Official Analytical Chemists
- Hàm lượng protein: Protein = 6,25 x Hàm lượng nitơ tổng / Nitrogen.

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc và kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Q326B090463
(TPTN26016236.01.2)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

11/08/2026
Trang/ Page: 1/2

- Tên mẫu
Name of sample : **DẦU Ô LIU NGUYÊN CHẤT KICKER - KICKER EXTRA VIRGIN OLIVE OIL**
- Mô tả mẫu
Description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
- Dụng cụ chứa: chai thủy tinh / *Container: glass vial*
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 23/07/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 23/07/2026 - 07/08/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : **CÔNG TY TNHH LCD FRUIT**
L5/1, khu phố 5A, khu dân cư Phú Gia 2, Phường Trảng Dài, Thành phố Đồng Nai, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / *Refer to next page(s)*

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB



Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC / PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB



Ngô Quốc Việt



ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3



ISO/IEC 17025:2017

Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - E-mail: info@quatest3.com.vn - Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: 7 No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam 5 C5 lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, HCMC, Vietnam 1196 52 street, Binh Thoi ward, HCMC, Vietnam

Q326B090463
(TPTN26016236.01.2)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

11/08/2026
Trang/ Page: 2/2

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Phạm vi đo Range of measurement (≥)
7.1	Hàm lượng polyphenols tổng số Total polyphenols content	mg/L	QUATEST3 1154:2023 (Ref: TCVN 9745-1:2013)	400	-	-

Ghi chú / Note:

- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard

- Cáo kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc và kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.